

*Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018*

**DANH MỤC TẬP TÀI LIỆU  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

1.Chương trình đại hội .....	1
2.Quy chế đại hội .....	3
3. Thư mời .....	6
4. Giấy xác nhận tham dự đại hội .....	8
5. Giấy ủy quyền .....	9
6.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và phương án chia lợi nhuận năm 2017, kế hoạch 2018 ....	10
7.Báo cáo công tác quản lý của hội đồng quản trị.....	13
8.Báo cáo của ban kiểm soát .....	17
9.Tờ trình về việc thông qua kết quả kế hoạch SXKD năm 2018 .....	22
10. Tờ trình thông qua mức thù lao kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	23
11. Tờ trình về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 .....	25
12.Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 (Báo cáo tài chính kèm theo).....	26
13.Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	27
14.Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.....	28

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT**  
**Hải Phòng, ngày 26 tháng 4 năm 2018**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thực hiện</b>
09 <sup>h</sup> 00 - 09 <sup>h</sup> 30	Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông + Đón tiếp cổ đông và đại biểu + Cổ đông đăng ký, nhận tài liệu, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	Ban Tổ chức
09 <sup>h</sup> 30 - 09 <sup>h</sup> 45	Khai mạc cuộc họp + Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần dự họp + Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông + Giới thiệu chủ tọa và Thư ký cuộc họp + Giới thiệu và thông qua ban kiểm phiếu + Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ + Thông qua quy chế làm việc của Đại hội	Ban Tổ chức Trưởng BKS Ban Tổ chức
09 <sup>h</sup> 45 - 10 <sup>h</sup> 00	Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.	Giám đốc Công ty
10 <sup>h</sup> 00 - 10 <sup>h</sup> 30	Hội đồng quản trị báo cáo công tác quản lý doanh nghiệp. Thông qua các tờ trình: Phân phối lợi nhuận 2017, KH sản xuất kinh doanh 2018, Mức thù lao thành viên HĐQT, BKS 2018, Lựa chọn đơn vị kiểm toán, Thông qua báo cáo tài chính và sửa đổi điều lệ, Quy chế nội bộ quản trị Công ty.	Chủ tọa
10 <sup>h</sup> 30 - 10 <sup>h</sup> 45	Ban kiểm soát báo cáo về việc chấp hành Điều lệ Công ty và thẩm định báo cáo tài chính.	Trưởng BKS
10 <sup>h</sup> 45 - 11 <sup>h</sup> 15	Các cổ đông thảo luận, đóng góp ý kiến cho các vấn đề trên, Chủ tọa kết luận các vấn đề sau thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết thông qua từng vấn đề.	Chủ tọa
11 <sup>h</sup> 15 - 11 <sup>h</sup> 25	Đại diện cổ đông chi phối phát biểu.	
11 <sup>h</sup> 25 - 11 <sup>h</sup> 30	Đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.	Thư ký
	Thông qua Nghị quyết đại hội.	Chủ tọa
	Kết thúc đại hội.	Chủ tọa

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

**Dự thảo**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát được ĐHĐCĐ thông qua ngày 31/3/2017;

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước Giải Khát, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 xin báo cáo ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau

**I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI:**

1. Cổ đông và/hoặc người đại diện khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức quy định;
2. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
3. Giữ trật tự trong phòng đại hội. Tắt điện thoại di động hoặc để chế độ rung.

**II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:**

**1. Nguyên tắc:**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội được thảo luận và lấy biểu quyết công khai của ĐHĐCĐ bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết** của tất cả cổ đông và/hoặc đại diện cổ đông.
- Thẻ biểu quyết do Ban tổ chức đại hội **phát trực tiếp cho cổ đông tại đại hội**. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết ghi rõ số thứ tự cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

**2. Phương thức biểu quyết:**

- Cổ đông và/hoặc Đại diện cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội;
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết *đồng ý* thông qua sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu số thứ tự cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông *không đồng ý* hoặc

*không có ý kiến* sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết;

- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

### **3. Thẻ lệ biểu quyết:**

3.1. 01 (một) cổ phiếu phổ thông tương ứng với 01 (một) phiếu biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông, tổng số cổ phần của Công ty là **2.000.000 (Hai triệu)** cổ phần phổ thông, tương đương **2.000.000 (Hai triệu)** phiếu biểu quyết.

3.2. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018;
- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động năm 2017 và định hướng năm 2018;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
- Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017; Kế hoạch cổ tức 2018; Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2018; Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018;
- Các vấn đề khác (*nếu có*) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **III. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI:**

#### **1. Nguyên tắc:**

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình ĐHĐCĐ;
- Cổ đông có ý kiến phải đăng ký với Chủ tọa;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp và bố trí cho cổ đông phát biểu ý kiến trong đại hội.
- Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông:  
Trên cơ sở câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

#### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA:**

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong năm trong nội dung chương trình họp của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội, quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài

chương trình của cuộc họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

**v. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ:**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội vào Biên bản họp Đại hội;
2. Soạn thảo các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

**vi. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG:**

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự họp: Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (*đối với đại diện được ủy quyền*);
2. Thu lại Giấy xác nhận dự họp của cổ đông hoặc người đại diện và Giấy ủy quyền (*nếu có*);
3. Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: **Thẻ biểu quyết** và các tài liệu báo cáo, trình Đại hội;
4. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội;

**vii. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:**

1. Xác định chính xác kết quả kiểm phiếu và kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội;
2. Nhanh chóng thông báo cho Đại hội kết quả biểu quyết;
3. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**viii. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:**

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi chép và lưu trữ theo Luật định, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước Giải Khát. Ban Tổ chức Đại hội kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Thành viên HĐQT; Ban KS; Ban Giám đốc;
- Lưu TCHC.

**TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nguyễn Hải Hồ**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

**THƯ MỜI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT**

**Kính gửi:**

**Số ĐKSH:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Bia- Rượu - Nước giải khát trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty như sau:

**1. Thời gian và địa điểm**

- Thời gian: **09<sup>h</sup>00'** ngày **26** tháng **4** năm **2018**.
- Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Bao bì Bia- Rượu - Nước giải khát.

**2. Điều kiện tham dự Đại hội**

- Tất cả các cổ đông sở hữu chứng khoán của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát theo danh sách đã chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày **02/4/2018**.
- Trường hợp cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản đúng theo quy định của Công ty.

**3. Nội dung Đại hội**

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Ban Giám đốc;
- Báo cáo hoạt động năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo kết quả giám sát hoạt động năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát;
- Thông qua:
  - (1). Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2017;
  - (2). Phương án phân phối lợi nhuận 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018;
  - (3). Việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018;
  - (4). Việc sửa đổi Điều lệ của Công ty;

(5). Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao năm 2018;

#### **4. Tài liệu Đại hội, vấn đề ủy quyền và tham dự**

- Nội dung và các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được cập nhật trên Website của Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát tại địa chỉ: <http://www.balpac.com.vn/>.

- Quý cổ đông vui lòng mang theo giấy CMND/Hộ chiếu/GCNDKKD khi đến tham dự Đại hội. Nếu không thể tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác theo mẫu của Công ty công bố tại Website.

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự bằng điện thoại/thư/fax về Công ty trước **17<sup>h00</sup>** ngày **23/4/2018**.

- Thông tin liên lạc:

**Phòng Tổ chức - Hành chính,**

**Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát.**

Địa chỉ: Số 38 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: +84 225 3 837 257.

FAX: +84 225 3 837 137.

Website: [www.balpac.com.vn](http://www.balpac.com.vn)

Email: [balpac@habeco.com.vn](mailto:balpac@habeco.com.vn)

**Hotline:** Bà Nguyễn Hồng Liên +84 904 310 969.

Trân trọng./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hải Hồ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

....., ngày ..... tháng ..... năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT**

**Kính gửi :** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát

Tên cổ đông :.....

Đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:.....

Địa chỉ :.....

Điện thoại :..... Fax:.....

Số ĐKDN/CMND:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng

Xác nhận sẽ tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty được tổ chức vào ngày **26/4/2018**.

**CỔ ĐÔNG**

---

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền) tới:

**Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

**Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát**

Địa chỉ: Số 38, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: +84 225 3 837 257 Fax: +84 225 3 837 137

Thời gian: **chậm nhất trước 17 giờ 00 phút, ngày 23/4/2018**



Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Công ty cổ phần Bao bì Bia-Rượu-Nước giải khát)

- Tên cổ đông:.....
- Địa chỉ:.....
- Số CMND: .....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Sở hữu số cổ phần:.....
- Điện thoại:.....

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Bao bì Bia -Rượu-Nước giải khát, nay tôi đồng ý ủy quyền cho:

- Ông (Bà):.....
- Địa chỉ:.....
- Số CTMND: .....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Điện thoại: .....

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Bao bì Bia -Rượu-Nước giải khát tổ chức ngày **26/4/2018**, với tư cách là đại diện cho..... số cổ phần mà tôi đang sở hữu.

Ông (Bà).....có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc nội dung của Giấy ủy quyền này cũng như quy chế làm việc tại Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại cho người ủy quyền.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại gì đối với Công ty.

**Người được ủy quyền**

(Ký & ghi rõ họ tên)

**Người ủy quyền**

(Ký & ghi rõ họ tên)

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHƯƠNG ÁN CHIA**  
**LỢI NHUẬN NĂM 2017, KẾ HOẠCH NĂM 2018**

**Kính thưa:** - Các vị đại biểu.

- HĐQT.

- ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - NGK.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Giám đốc, thừa uỷ quyền của HĐQT.  
Giám đốc công ty xin báo cáo ĐHĐCĐ các nội dung sau:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.
2. Phương án chia lợi nhuận năm 2017.
3. Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2018 và những giải pháp thực hiện.

**I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017**

Năm 2017, ngành bia - rượu - nước giải khát tiếp tục đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức lớn. Việt Nam được xếp thứ 8 thế giới về sản xuất bia, xếp thứ 20 về mức tiêu thụ bia, được xác định là nơi có nhiều kỳ vọng của các nhà đầu tư ngoại giàu về tiềm lực tài chính và mạnh về năng lực marketing. Cơ hội này cũng đồng thời đẩy sự cạnh tranh trên thị trường bia nội chuyên sang tính chất khốc liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh của các hãng bia ngoại.

Sản phẩm nắp chai của Công ty cung cấp cho khách hàng chính là Habeco. Năm 2017 Habeco đang trong quá trình tái cấu trúc có sự điều chỉnh kết cấu sản phẩm, tăng tỷ trọng bia hộp, giảm tỷ trọng bia chai, đặc biệt là bia chai 450ml. Điều này dẫn đến sản lượng và doanh thu của Công ty có phần sụt giảm.

Nhưng do được thụ hưởng những thành tựu chung của kinh tế vĩ mô như lạm phát được kiểm soát tốt, tỷ giá ổn định, toàn ngành có tăng trưởng. Đồng thời có thuận lợi là đơn vị thành viên trong Tổng Công ty, được sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Tổng Công Ty, HĐQT Công ty, và sự hợp tác tích cực của các đơn vị thành viên trong Tổng công ty đã giúp Công ty tháo gỡ được khó khăn, sản xuất kinh doanh có lãi, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, thực

hiện được các cam kết với các cổ động, và với người lao động. thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ với Nhà nước.

**Kết quả SXKD của Công ty đến 31/12/2017 đạt được như sau:**

Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị tính	Đạt % KH
Doanh thu SXCN	73,50	Tỷ đồng	82,29
Tổng doanh thu	83,55	Tỷ đồng	82,72
Sản lượng nắp chai các loại	630	Triệu nắp	81,82
Tiêu thụ bia chai	31.107	Két	91,49
Tiêu thụ bia lon	11.980	Thùng	92,15
Dịch vụ cầu cảng	19.900	Tấn	86,52
Doanh thu khác	3,375	Tỷ đồng	112,50
Nộp ngân sách	5,897	Tỷ đồng	113,73
Lợi nhuận trước thuế	5,218	Tỷ đồng	86,97
Lương bình quân 1 NLD	5,6	Triệu đồng/ng/thg	100,00

Như vậy, năm 2017 các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện được từ 82% trở lên, riêng lợi nhuận trước thuế đạt gần 87% kế hoạch. Ban Điều hành đã rất cố gắng nhưng chưa làm tốt được khâu dự báo thị trường và thụ động trong phòng ngừa rủi ro nên kết quả kinh doanh thực hiện còn khiêm tốn.

Nguyên nhân của sự sụt giảm doanh thu và sản lượng xuất phát từ việc thay đổi cơ cấu sản phẩm, giảm tỷ trọng bia chai (giảm sản lượng nắp chai) của Habeco và việc Habeco quy hoạch lại hệ thống các nhà phân phối (Công ty không đủ tiêu chuẩn là nhà phân phối, ngừng làm đại lý bia từ tháng 10/2017).

**II. Đề xuất phương án chia lợi nhuận năm 2017:**

1	<b>Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>5.218.721.815</b>
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp + Chi khác:	1.111.911.068
3	<b>Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>4.106.810.747</b>
4	Dự kiến chia cổ tức (13%):	2.600.000.000
5	Dự kiến chia các quỹ:	1.506.810.747
	- Quỹ thưởng cho Ban điều hành:	205.340.537
	- Quỹ khen thưởng:	130.147.021
	- Quỹ phúc lợi:	1.171.323.189

**III. Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018**

Năm 2018 là một năm Công ty tiếp tục phải đối mặt với những thách thức lớn hơn so với năm 2017, cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt hơn, thị phần tiếp tục thu hẹp lại.

Đề sát với thực tế và thực hiện tốt nhiệm vụ trước các cổ đông, Ban Điều hành Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	KH 2018	Đơn vị tính	% so với cùng kỳ
Doanh thu SXCN	73,5	Tỷ đồng	100
Tổng doanh thu	76,5	Tỷ đồng	92
Sản lượng nắp chai các loại	630	Triệu nắp	100
Dịch vụ cầu cảng	20.000	Tấn	100
Doanh thu khác	3,0	Tỷ đồng	100
Nộp ngân sách	5,0	Tỷ đồng	100
Lợi nhuận trước thuế	4,4	Tỷ đồng	85
Mức cổ tức	Từ 9%		
Lương bình quân 1 NLD	5,6	Triệu đồng/ng/thg	100

Cơ bản, các chỉ tiêu kế hoạch được thiết lập bám sát kết quả của Công ty đã cố gắng đạt được ở kỳ trước. Năm 2018 Habeco vẫn đang tái cơ cấu. Sản lượng bia chai dự báo không tăng. Khối lượng dịch vụ và doanh thu trong kế hoạch của Công ty giảm do ngừng đại lý sản phẩm bia. Dự tính kết quả kinh doanh thấp hơn năm 2017 do định phí trên đơn vị sản phẩm tăng.

#### **Các giải pháp:**

- Tiếp tục thực hiện có trách nhiệm các giải pháp do Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đề ra, đã được Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp trước thông qua, cụ thể như: nâng cao năng lực quản trị, thực hành tiết kiệm giảm chi phí, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm chủ yếu theo hướng tăng thêm sản phẩm tiêu thụ nắp chai nước giải khát.

- Xây dựng dự án khả thi đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bao bì mới mà xuất phát điểm từ nhu cầu về loại sản phẩm này của Tổng công ty, các đơn vị thành viên và của ngành. Đồng thời xác định thời điểm hợp lý và những điều kiện cần thiết để tăng vốn điều lệ tạo nguồn kinh phí đầu tư phát triển Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đã lắng nghe và hân hạnh đón nhận ý kiến tham gia góp ý xây dựng của Đại hội đồng cổ đông.

Kính chúc quý vị cổ đông sức khỏe và thành đạt.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông dự họp;
- Lưu TCHC.

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Độ**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kính thưa:

- Quý vị cổ đông.
- Quý vị đại biểu.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị xin báo cáo tới ĐHĐCĐ công tác quản lý trong năm qua như sau:

### I. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị trong năm 2017

#### 1. Hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đều đạt được sự nhất trí cao và hầu như tuyệt đối của các thành viên trong việc quyết định chính sách, đường lối hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017 đã tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 phê chuẩn: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán; trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế TNDN từ kết quả hoạt động SXKD năm 2016; Thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017; Các chỉ tiêu tài chính năm 2017; Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

Để thực hiện chức năng của mình, Hội đồng quản trị đã ban hành và áp dụng hiệu quả các Quy chế quản lý và các quy định khác liên quan đến việc quản lý, điều hành công ty. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra Ban điều hành Công ty về việc thực hiện các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Công tác kiểm toán hàng năm được thực hiện đầy đủ, đúng theo tinh thần tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông các năm.

Hội đồng quản trị đã thông qua các chủ trương vay vốn và chỉ đạo thực hiện chính sách tài chính, tín dụng hợp lý, kịp thời.

## 2. Công tác tổ chức - nhân sự:

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, đánh giá và có những quyết định phù hợp, kịp thời về nhân sự thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện việc bồi dưỡng kế tục cán bộ quản lý. Những nhân sự được bổ nhiệm tính đến thời điểm này, cơ bản đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhằm phục vụ tốt việc điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp cùng với Ban Giám đốc xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

Hàng quý, Giám đốc Công ty đều gửi Báo cáo tài chính cho Hội đồng quản trị. HĐQT cũng đã thường xuyên chỉ đạo Giám đốc thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của ĐHCĐ.

## III. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018

### 1. Kết quả SXKD của Công ty đến 31/12/2017 đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị tính	Đạt %KH
Doanh thu SXCN	73,5	Tỷ đồng	82,29
Tổng doanh thu	83,55	Tỷ đồng	82,72
Sản lượng nắp chai các loại	630	Triệu nắp	81,82
Tiêu thụ bia chai	31.107	Két	91,49
Tiêu thụ bia lon	11.980	Thùng	92,15
Dịch vụ cầu cảng	19.900	Tấn	86,52
Doanh thu khác	3,375	Tỷ đồng	112,50
Nộp ngân sách	5,897	Tỷ đồng	113,73
Lợi nhuận trước thuế	5,218	Tỷ đồng	86,97
Lương bình quân 1 NLĐ	5,6	Triệu đồng/người/thg	100,00

Doanh thu và sản lượng giảm nguyên nhân xuất phát từ việc thay đổi cơ cấu sản phẩm, giảm tỷ trọng bia chai (giảm sản lượng nắp chai) của Habeco và

việc Habeco quy hoạch lại hệ thống các nhà phân phối (Công ty không đủ tiêu chuẩn là nhà phân phối, ngừng làm đại lý bia từ tháng 10/2017).

## 2. Đề xuất phương án chia lợi nhuận năm 2017:

1	<b>Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>5.218.721.815</b>
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp + Chi khác:	1.111.911.068
3	<b>Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>4.106.810.747</b>
4	Dự kiến chia cổ tức (13%):	2.600.000.000
5	Dự kiến chia các quỹ:	1.506.810.747
	- Quỹ thưởng cho Ban điều hành:	205.340.537
	- Quỹ khen thưởng:	130.147.021
	- Quỹ phúc lợi:	1.171.323.189

## IV. Phương hướng thực hiện chức năng quản lý kinh doanh năm 2018

Nhận thức rõ ràng và sâu sắc về những khó khăn, thách thức trong năm 2018, Công ty xác định rõ mục tiêu kinh doanh của năm 2018 là khai thác tốt các nguồn lực hiện có và mở rộng thị trường.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn xác định phải thực hiện tốt trách nhiệm quản lý doanh nghiệp: Xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhận diện các rủi ro chủ yếu, chỉ đạo lập kế hoạch bồi dưỡng, kế tục cán bộ quản lý, thực hiện chương trình quan hệ với nhà đầu tư và chính sách thông tin liên lạc với cổ đông, đảm bảo thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm hệ thống thông tin quản lý và các quy định về đảm bảo tuân thủ.

## V. Một số chỉ tiêu và giải pháp cụ thể trong năm 2018

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	KH 2018	Đơn vị tính	% so với cùng kỳ
Doanh thu SXCN	73,5	Tỷ đồng	100
Tổng doanh thu	76,5	Tỷ đồng	92
Sản lượng nắp chai các loại	630	Triệu nắp	100
Dịch vụ cầu cảng	20.000	Tấn	100
Doanh thu khác	3,0	Tỷ đồng	100
Nộp ngân sách	5,0	Tỷ đồng	100
Lợi nhuận trước thuế	4,4	Tỷ đồng	85
Mức cổ tức	Từ 9%		
Lương bình quân 1 NLD	5,6	Triệu đồng/ng/thg	100

## **2. Các giải pháp cụ thể:**

Năm 2018 là một năm Công ty tiếp tục phải đối mặt với những thách thức lớn hơn so với năm 2017, cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt hơn, thị phần tiếp tục thu hẹp lại. Xác định được điều đó, trong năm 2018 Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo sát sao việc thực hiện các giải pháp: nâng cao năng lực quản trị, thực hiện tiết kiệm, giảm chi phí, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm chủ yếu theo hướng tăng thêm sản phẩm tiêu thụ nắp chai nước giải khát.

Xây dựng dự án khả thi đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bao bì mới, xuất phát điểm từ nhu cầu về loại sản phẩm này của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong ngành. Xác định thời điểm hợp lý và những điều kiện cần thiết để tăng vốn điều lệ tạo nguồn kinh phí đầu tư phát triển Công ty.

## **VI. Đánh giá chung**

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó. Có được kết quả này, trước tiên nhờ vào sự đồng tâm hiệp lực và trí tuệ của từng thành viên trong Hội đồng quản trị, sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành và toàn thể người lao động trong Công ty.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng luôn nhận được những đóng góp quý báu của các cổ đông trong việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển Công ty.

Thông qua đại hội lần này, Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty và trân trọng cảm ơn các cổ đông về những tình cảm, sức lực, trí tuệ đã dành cho Công ty với mong muốn Công ty luôn ổn định và phát triển bền vững.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, rất mong nhận được các ý kiến tham gia đóng góp vì sự phát triển của Doanh nghiệp và lợi ích của các nhà đầu tư.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông dự họp;
- Lưu TCHC.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

**Nguyễn Hải Hồ**



*Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA-RƯỢU-NGK**

Với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định dựa trên:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì Bia-Rượu-NGK;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập,

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.

**I. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức ngày 31/3/2017 đã bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2022. Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất việc phân công việc như sau: 01 Trưởng ban phụ trách chung, 01 thành viên phụ trách công tác tài chính, 01 thành viên phụ trách theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty năm 2017, cụ thể:

-Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt nhiệm kỳ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm thông qua năm trước đó.

-Xem xét tính phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

-Kiểm tra Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty**

### **1. Hội đồng quản trị:**

Trong năm vừa qua, HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra những quyết định kịp thời. HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ để ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực thi nhiệm vụ quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành liên quan đến hoạt động của Công ty đều được ban hành đúng trình tự và thẩm quyền của HĐQT và đều tập trung vào triển khai, xem xét đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh và bám sát vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **2. Ban Giám đốc Công ty:**

Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2017 nhờ những chính sách, giải pháp tích cực của Chính phủ nền kinh tế bắt đầu được ổn định hơn, lãi suất duy trì ở mức hợp lý tuy nhiên sự thay đổi của tỷ giá hối đoái đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các đơn vị sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu và Công ty cũng đã bị ảnh hưởng trực tiếp. Tuy nhiên cùng với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như: Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập bình quân của người lao động... theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

Các Quyết định của Ban Giám đốc đều ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định ngoài thẩm quyền của Ban Giám đốc đều được ban hành sau khi trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đã phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi của người lao động.

## **III. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017**

### **1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bao bì Bia-Rượu-NGK cho kỳ kế toán năm 2017 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán.

Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị tính	Đạt %KH
Doanh thu SXCN	73,5	Tỷ đồng	82,29
Tổng doanh thu	83,55	Tỷ đồng	82,72
Sản lượng nắp chai các loại	630	Triệu nắp	81,82
Tiêu thụ bia chai	31.107	Két	91,49
Tiêu thụ bia lon	11.980	Thùng	92,15
Dịch vụ cầu cảng	19.900	Tấn	86,52
Doanh thu khác	3,375	Tỷ đồng	112,50
Nộp ngân sách	5,897	Tỷ đồng	113,73
Lợi nhuận trước thuế	5,218	Tỷ đồng	86,97
Lương bình quân 1 NLĐ	5,6	Triệu đồng/người/thg	100,00

## 3. Tình hình tài chính của Công ty

### Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
<i>1. Cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,66	70,24
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,34	29,76
<i>2. Cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,5	13,09
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	42	87
<i>3. Khả năng thanh toán</i>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,06	3,5
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,22	3,22
<i>4. Tỷ suất sinh lời</i>			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,4	4,9
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14,9	11,7

### Đánh giá chung:

-Cơ cấu tài sản của Công ty năm 2017 có thay đổi so với năm 2016 theo hướng giảm tỷ trọng tài sản dài hạn và tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Việc thay đổi tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn là do Công ty đã có đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản phải thu tăng, hàng tồn kho vẫn ổn định trong tầm kiểm soát.

- Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản cố định và tỷ trọng giảm là do khấu hao tài sản cố định hàng năm.

- Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty thay đổi với năm 2016 chủ yếu là khoản nợ phải trả cho người bán ngắn hạn tăng do chủ trương tính toán chi trả hợp lý để có doanh thu hoạt động tài chính không vay ngân hàng để trả nợ người bán.

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn (đã loại trừ hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn là 3,5 ổn định như năm 2016 đảm bảo Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn mà không cần phụ thuộc đến sản phẩm tồn kho.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2016 điều đó chứng tỏ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang chiều hướng giảm.

#### **IV. Đánh giá việc thực hiện**

Kết quả SXKD năm 2017 của Công ty theo kiểm tra thực tế của Ban Kiểm soát là chính xác và đã hoàn thành tốt các nội dung cơ bản trong Nghị quyết, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

Với lợi nhuận sau thuế năm 2017 là: 4.106.810.747 đồng đủ để chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, HĐQT dự kiến phân bổ như sau:

1	Lợi nhuận sau thuế:	4.106.810.747
2	Dự kiến chia cổ tức (13%):	2.600.000.000
3	Dự kiến chia các quỹ:	1.506.810.747
	- <i>Quỹ thưởng cho Ban điều hành:</i>	205.340.537
	- <i>Quỹ khen thưởng:</i>	130.147.021
	- <i>Quỹ phúc lợi:</i>	1.171.323.189

- Tình hình tài chính của Công ty có tính tự chủ cao. Công ty đã có đầu tư tài chính ngắn hạn. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

- Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện tốt quy trình Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 để đảm bảo quản trị được hệ thống chất lượng sản phẩm của Công ty.

- Việc kiểm tra thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu được tăng cường kiểm soát hàng tháng, nâng cao ý thức tiết kiệm.

Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả kinh tế, an toàn bền vững, tuân thủ đúng luật pháp và thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **V. Kết luận và đề xuất**

### **Kết luận:**

Năm 2017 đã đi qua với những khó khăn như do cơ cấu sản phẩm bia của Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội có sự thay đổi cho phù hợp với nhu cầu và thỏa mãn thị hiếu của người tiêu dùng bia lon tăng trưởng, bia chai phát triển chậm lại do vậy cũng ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ nắp chai của Công ty.

Tuy nhiên được sự quan tâm giúp đỡ của Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Hà Nội, bằng truyền thống Công ty, sự nỗ lực với trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và tinh thần đoàn kết của toàn thể nhân viên, sự hợp tác của quý khách hàng. Với mục tiêu phát triển bền vững, thực hiện chiến lược đầu tư chủ động, hiệu quả về thị trường gắn liền với sự phát triển trong tổ hợp Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-NGK Hà Nội, HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty liên tục phát triển, tăng trưởng về năng lực sản xuất, hiệu quả sản xuất kinh doanh đề đạt được kết quả nêu trên.

### **Đề xuất:**

- Sử dụng và đầu tư có hiệu quả Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.
- Khai thác tối đa cơ sở hạ tầng để cho thuê kho tàng bến bãi tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Quản trị vận hành tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

Năm 2018 là năm sẽ có rất nhiều khó khăn nhưng trong khó khăn cũng sẽ có những cơ hội mới.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát chúng tôi mong muốn sẽ luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-NGK Hà Nội, sự ủng hộ và cam kết gắn bó lâu dài của Quý cổ đông, khách hàng, các đối tác và toàn thể người lao động trong Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Bao bì Bia-Rượu-NGK năm 2017 kính trình Đại hội.

Xin kính chúc sức khỏe Quý vị đại biểu và các Ông, Bà cổ đông.

Chúc Đại hội thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS,
- Cổ đông dự họp,
- Lưu TCHC;

**TM BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

*(Đã ký)*

**Bùi Đỗ Giao**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

**Kính gửi:** ĐHCĐ Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - NGK.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - NGK kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị tính
Doanh thu SXCN	73.500	Triệu đồng
Tổng doanh thu	76.500	Triệu đồng
Sản lượng nắp chai các loại	630	Triệu nắp
Dịch vụ cầu cảng	20.000	Tấn
Doanh thu khác	3.000	Triệu đồng
Nộp ngân sách	5.000	Triệu đồng
Lợi nhuận trước thuế	4.400	Triệu đồng
Lương bình quân 1 NLD	5,6	Triệu đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- Lưu TCHC.

**Nguyễn Hải Hồ**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua mức thù lao kiêm nhiệm  
của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Kính trình: ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

### I. Tình hình thực hiện năm 2017:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty ngày 31/3/2017, đã phê duyệt mức thù lao kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 như sau:

Stt	Chức danh	Mức thù lao (VNĐ/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	3.000.000
2	Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1.500.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000
5	Thư ký Công ty	1.000.000

Tổng số tiền đến nay đã chi thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao (VNĐ/tháng)	Thành tiền (VNĐ/Tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	3.000.000	3.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	2.000.000	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	1.500.000	1.500.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	1.000.000	2.000.000

5	Thư ký Công ty	01	1.000.000	1.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>11.500.000</b>

Thù lao kiêm nhiệm của HĐQT và BKS đã được chi trong năm 2017 là 11.500.000 x 12 tháng = 138.000.000 VNĐ.

**II. Kế hoạch mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018:**

Trên cơ sở tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 giữ nguyên như mức thù lao kiêm nhiệm năm 2017.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**Nguyễn Hải Hồ**



Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

**Kính trình: ĐHĐCĐ thường niên năm 2018**

**Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bao bì bia - Rượu - Nước giải khát.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

### **I. Tiêu thức lựa chọn Công ty Kiểm toán**

1. Là công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2018;

2. Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;

3. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

4. Đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

5. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán.

### **II. Đề xuất của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị đề xuất Công ty Kiểm toán sau đây: Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát lựa chọn Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt để kiểm toán cho Công ty năm tài chính 2018 theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**Nguyễn Hải Hồ**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017

**Kính trình: ĐHĐCĐ thường niên năm 2018**

**Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát;

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 đã được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty và đính kèm trong tập tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2018, bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên.
2. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2017.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**Nguyễn Hải Hồ**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bao bì Bia Rượu Nước giải khát**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 71/2017: *Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.* Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã xây dựng Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty là văn bản nội bộ, quy định chi tiết các nội dung trong Điều lệ. Nội dung toàn văn dự thảo quy chế nội bộ về quản trị được công bố tại website theo địa chỉ <http://www.balpac.com.vn/>

Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

**Nguyễn Hải Hồ**

Hải Phòng, ngày ... tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

**Kính trình: ĐHĐCĐ thường niên năm 2018**

**Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi; bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**Nguyễn Hải Hồ**

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><b>Phần mở đầu</b> Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT dưới đây gọi là "Công ty", là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p>	<p><b>Phần mở đầu</b> Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT dưới đây gọi là "Công ty", là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.</p>	<p>Bổ sung thêm căn cứ</p>
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>		
<b>Điều 1. Định nghĩa</b>		
<p>1.a) Vốn điều lệ là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p>	<p>1.a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua tại thời điểm thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p>	<p>Sửa theo Khoản 29 Điều 4 Luật DN 2014 – Giải thích từ ngữ</p>
<b>Không có</b>	<p>1.c. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p>	
<b>Không có</b>	<p>Người quản lý công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 18 – Điều 4 – Luật doanh nghiệp</p>
<p>1. d) Cán bộ quản lý là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>1. f) Người điều hành là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>Theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – thông tư 95</p>
<p>1. e) Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1.g) Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p>	<p>Phù hợp với Luật Chứng khoán 2006, sửa đổi, bổ sung 2010.</p>

<b>Không có</b>	h) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.	Sửa theo Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Giải thích thuật ngữ
1. f) Thời hạn hoạt động là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.	1.i) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.	Theo Điểm h, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – thông tư 95
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 2. Tên, logo, hình thức, trụ sở, người đại diện, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	
4. Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.	4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.	Sửa theo Điều 13 Luật DN 2014 – Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 47.2 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	
1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa theo Khoản 1 Điều 5 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b>	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b>	
<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</b>	<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</b>	
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	2. Công ty có thể <i>thay đổi</i> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Sửa theo Khoản 5 Điều 111 Luật DN 2014 – Vốn công

		ty cổ phần
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 15, 16 Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu Điều luật Sửa theo Khoản 3 Điều 6 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.	<b>Bỏ đi</b>	Không thấy có phụ lục đính kèm nên bỏ đi
<b>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</b>	<b>Điều 6. Cổ phiếu</b>	
1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.	Sửa theo Điều 120 Luật DN 2014 – Cổ phiếu
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	2. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp	Sửa theo Điều 120 Luật DN 2014 – Cổ phiếu
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.	Sửa theo Điều 120 Luật DN 2014 – Cổ phiếu
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty	Sửa theo Điều 120 Luật DN 2014 – Cổ phiếu

	<p>để tiêu hủy;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Giám đốc (Tổng giám đốc) Người đại diện theo pháp luật có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới</p>	
	<p><b>Điều 7: Sổ đăng ký cổ đông</b></p>	
<p><b>Không có</b></p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</li> <li>2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</li> <li>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</li> <li>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</li> <li>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</li> <li>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</li> </ol> </li> <li>3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung thông tin về mình trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</li> <li>4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ</li> </ol>	<p>Thêm Điều này theo Điều 121 Luật DN 2014 – Sổ đăng ký cổ đông</p>



	đồng. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.	
<b>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	<b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	
Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	Bỏ phần gạch chân. Sửa theo Điều 8 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Chứng chỉ chứng khoán khác
<b>Không có</b>	<b>Điều 9. Chào bán cổ phần</b>	
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.</li> <li>2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;</li> <li>b) Chào bán ra công chúng;</li> <li>c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.</li> </ol> </li> <li>3. Chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và luật doanh nghiệp.</li> <li>4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.</li> </ol>	Thêm Điều này theo Điều 122 Luật DN 2014 – Chào bán cổ phần
<b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần</b>	
1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Theo Điều 9 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Chuyển nhượng cổ phần
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và <i>quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</i>	Theo Điều 9 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Chuyển nhượng cổ phần
<b>Không có</b>	3. Các cổ phần ưu đãi có điều kiện về hạn chế chuyển nhượng	Sửa theo Điều 126 Luật DN

	chỉ được chuyển nhượng khi điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực.	2014 – Chuyển nhượng cổ phần
<b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b>	<b>Điều 11. Thu hồi cổ phần</b>	
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp	Sửa theo Điểm d Khoản 2 Điều 112 Luật DN 2014 – Thanh toán cổ phần đã đăng ký mua khi đăng ký doanh nghiệp
<b>Không có</b>	<b>Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b>	
	<p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty được Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm cụ thể, trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	Thêm điều này theo Điều 129 Luật DN 2014 – Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông
<b>Không có</b>	<b>Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</b>	
	Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:	Thêm điều này theo Điều 130 Luật DN 2014 – Mua lại cổ phần theo quyết định

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty quy định tại Điều 12 và Điều 13 điều lệ này chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

của Công ty.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
<b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b>	<b>Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b>	
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông; b) Hội đồng quản trị; c) Giám đốc; d) Ban kiểm soát.	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông; b) Hội đồng quản trị; c) Ban kiểm soát; d) Giám đốc	Theo Điều 134 Luật DN 2014 – Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</b>	<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</b>	
<b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 15. Quyền của cổ đông</b>	
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: 2a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: 2a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;	Sửa theo Khoản 1 Điều 114 Luật DN – Quyền của cổ đông phổ thông
2b) Nhận cổ tức;	2b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa theo Điều 12- Điều lệ mẫu - TT 95
2c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	2c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp;	Sửa theo Khoản 1 Điều 114 - Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông
2e) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	2e) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông <b><i>có quyền biểu quyết</i></b> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Sửa theo Khoản 1 Điều 114 - Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông
2g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	2g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật	Sửa theo Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Quyền của cổ đông
2h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;	2.h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định <b><i>tại Điều 12 Điều lệ này;</i></b>	Cập nhập dẫn chiếu Điều lệ luật

<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 32.2;</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 30 và Khoản 4 Điều 40 ;</p> <p>3b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Điều luật</p>
<p>3c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3c) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p>	<p>Sửa lại câu chữ như trong Khoản 1 – Điều 114 – Luật doanh nghiệp 2014</p>
<p>Không có</p>	<p>3d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 114 - Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông</p>
<p>3.b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>3.c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>Điều 114 và Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Điều luật theo Luật DN 2014</p>
<p>3d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>3e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 114 Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông</p>
<p>3e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>3f) Các quyền khác theo quy định quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 114 Luật DN 2014 - Quyền của cổ đông phổ thông</p>
<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	
<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p>Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật DN 2014 – Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</p>

	trị;	
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.	3. Thanh toán <b>đủ và đúng thời hạn số</b> cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Sửa theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN 2014 - Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông
<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 17. Đại hội đồng cổ đông</b>	
1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Sửa theo Khoản 2 Điều 136, Luật DN 2014 – Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Sửa theo Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC - Đại hội đồng cổ đông
3b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ	3b) Báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	Sửa theo Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu - phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC - Đại hội đồng cổ đông
3c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	3c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba	Sửa theo Khoản 3 Điều 156 Luật DN 2014 – Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

<p>3d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p>	<p>3d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p>4a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.</p>	<p>4a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 136 Luật DN 2014 – Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 136 Luật DN 2014 - Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>3c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</li> <li>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</li> <li>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</li> </ul>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</li> <li>b) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</li> <li>c) Báo cáo của Ban kiểm soát;</li> <li>d) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</li> </ul>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 136 Luật DN 2014 – Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>

	e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; f, Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	
2. l) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	2.l) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	Sửa theo Điều 143 Luật DN 2014 – Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
2.n) Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;		Bổ Điểm này theo nghị định 71
2o) o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	2. o) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Sửa theo Điều 162 Luật DN 2014 – Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
<b>Không có</b>	2 p. Thông qua định hướng phát triển của công ty;	Sửa theo Khoản 2 Điều 135 Luật DN 2014 – Đại hội đồng cổ đông
<b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b>	<b>Điều 19. Các đại diện được ủy quyền</b>	
1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền của mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được uỷ quyền của mỗi người đại diện.	Sửa theo Khoản 1 Điều 16 Điều lệ mẫu - Thông tư 95/2017/TT – BTC – Đại diện theo uỷ quyền
2.a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;	2. a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;	Sửa theo Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu - Thông tư 95/2017/TT – BTC – Đại diện theo uỷ quyền
2. c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	2. c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp	Sửa theo Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC - Đại diện theo uỷ quyền
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
<b>Điều 16. Thay đổi các quyền</b>	<b>Điều 20. Thay đổi các quyền</b>	



<p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <b>75%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 17 Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thay đổi các quyền</p>
<p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Điều 18 và Điều 20</b> Điều lệ này.</p>	<p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 24.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b Hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này .</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ – CP – Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Sửa theo Khoản 7 Điều 136 Luật DN 2014 – Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyên đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyên đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Sửa theo Điều 139 – Luật DN 2014</p>
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật Sửa theo Khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/205/TT – BTC – Triệu tập họp, chương trình họp, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:  a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;  b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;  c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:  a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;  b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;  c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật Sửa theo Khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Triệu tập họp, chương trình họp, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Bỏ quy định này – Trùng nội dung	
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Bỏ quy định này – Trùng nội dung	
<b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	Sửa theo Khoản 1 Điều 141 Luật DN 2014 – Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập họp lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa theo Khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	Sửa theo Khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
<b>Không có</b>	4. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây: a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư	khoản 2 điều 140 Thực hiện quyền dự họp Đại hội cổ đông LDN 2014

	<p>điện tử;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<b>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	
1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Sửa theo Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp	Sửa theo Khoản 5 Điều 142 Luật DN 2014 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	3. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng	Sửa theo Khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 142 Luật DN 2014 - Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Riêng chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 142 Luật DN 2014 - Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p>	<p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp..</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự</p>	<p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn</p>	<p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p>trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p>	<p>sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.</p>	
<p>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");</p> <p>b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");</p> <p>b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 24. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Thống nhất thuật ngữ Luật DN 2014</p>
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 14 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình</p>	<p>Sửa theo Điều 143 – Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Luật DN 2014 và Điều 144 – Điều kiện đề nghị quyết</p>

thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- d) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, trong đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền bầu dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội.

thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty
- f) (Điều lệ công ty có thể quy định thêm.)

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, trong đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền bầu dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng

được thông qua Luật DN 2014

	<p>cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội.</p> <p><b>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</b></p>	
<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014</p>
<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Điều 145 Luật DN 2014 – Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 (mười năm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>;</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu – phụ lục Thông tư 95/2017/TT – BTC - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p>	<p>3.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014</p>



<p>3. c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>3 c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b>Thẻ căn cước công dân</b>, Giấy chứng minh nhân dân,chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân. tên, địa chỉ <b>trụ sở chính</b>, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc <b>họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p>	<p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>5.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p>	<p>6.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p>Thống nhất thuật ngữ với Luật DN 2014</p>
<p>5. c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p>	<p>6. c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p>	<p>Sửa theo Điểm c Khoản 5 Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>5.e. Các quyết định đã được thông qua;</p>	<p>6.e. Các vấn đề đã được thông qua;</p>	<p>Sửa theo Điểm đ Khoản 5 Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của</p>

		Đại hội đồng cổ đông
<p>5.f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>6.f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	Sửa theo Điểm e Khoản 5 Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
<p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	Sửa theo Khoản 6 Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
<p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành trừ những trường hợp quy định tại khoản 3 điều 24 điều lệ này và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Thêm theo Khoản 9 Điều 22 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
<b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư</p>	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ</p>	Sửa theo Khoản 3 Điều 146 Luật DN 2014 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Sửa theo Điều 23 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

<p>ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</li> <li>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</li> </ol> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 28 Điều lệ này;</li> <li>2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</li> </ol> <p>Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo Điều 24 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p><b>Không có</b></p>	<p><b>Điều 28. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</li> <li>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</li> <li>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy</li> </ol>	<p>Thêm theo Điều 148 Luật DN 2014 – Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>

	định tại Điều 27 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>Không có</b>	<b>Điều 29. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</b>	
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thêm theo Khoản 1 Điều 151 Luật DN 2014 – Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thêm theo Khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ – CP – Giải thích thuật ngữ</p>
<b>Không có</b>	<b>Điều 30. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.</b>	
	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm</p>	<p>Sửa theo Điều 25 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC - Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>

thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

<b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Chuyển lên Điều Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Chuyển lên Điều Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo</p>	<p>2 . Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật Sửa theo Điểm a Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>

quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	cách là ứng viên của Hội đồng quản trị. g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	<b>Bổ</b>	Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm TT 95/2017 không còn quy định này
<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>	
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo Khoản 1 Điều 149 Luật DN 2014 – Hội đồng quản trị
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác.	Đang giữ nguyên. Tuy nhiên có thể bỏ đi	
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ; d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm ngân sách hàng năm của công ty; b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và	Sửa theo Điều 27 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Quyền hạn và Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

l) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;

quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

f) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

j) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

l) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản Công ty có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công



	<p>nghệ;</p> <p>q) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>r) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>s) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>t) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>4c) Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p>4 c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	
<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	
<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	
<p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của</p>	<p>8. [Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 28 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT –</p>

<p>Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>BTC – Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>
<p><b>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 152 Luật DN 2014 – Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>f. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</li> </ol>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 152 Luật DN 2014 – Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>
<p><b>Không có</b></p>	<p>3. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì thành viên còn lại bầu một người trong các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo</p>	<p>Thêm theo Khoản 4 Điều 152 Luật DN 2014 – Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>

	nguyên tắc đa số.	
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.	Sửa theo Khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	
1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	Sửa theo Khoản 1 Điều 153 Luật DN 2014 – Cuộc họp Hội đồng quản trị
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.	2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.	Sửa theo Khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Cuộc họp Hội đồng quản trị
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b) Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; c) Chủ tịch Hội đồng quản trị; d) Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.	3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; b) Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; c) Đa số thành viên Ban kiểm soát.	
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải	Sửa theo Khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Cuộc họp Hội đồng

<p>những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	<p>chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>quản trị</p>
<p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>
<p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>
<p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo Khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Sửa theo Khoản 7 Điều 153 Luật DN 2014 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>
<p><b>Không có</b></p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận .</p>	<p>Thêm theo Khoản 9 Điều 153 Luật DN 2014 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Thêm theo Khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu – phụ lục đính</p>

	<p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</li> </ul> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p>	<p>kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>
<p>9. Biểu quyết:</p> <p>a) Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh</p>	<p>10. Biểu quyết:</p> <p>a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	

<p>trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 35.4a và Điều 35.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 43 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p>	
<p>11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p>	<p>12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định</p>	
<p>12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia</p>	<p><b>Bổ</b></p>	

<p>phát biểu trong cuộc họp; b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ.ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>		
<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký củachủ toạ và người ghi biên bản..</p>	<p>Điều 154 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p>
	<p><b>Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số</p>	<p>Sửa theo Điều 31 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/ TT – BTC – Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>

<p>hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty</p>	<p>Sửa theo Điều 31 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/ TT – BTC – Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>
<p><b>Không có</b></p>	<p><b>Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty</b></p>	
	<p>1. Trong trường hợp niêm yết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa</p>	<p>Thêm theo Điều 32 Điều lệ mẫu- phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Người phụ trách quản trị công ty</p>



	<p>Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<b>VII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>VII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.</b>	
<b>Điều 29. Cán bộ quản lý</b>	<b>Điều 37. Người điều hành</b>	
<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	
<b>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành</b>	<b>Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</b>	
1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp	1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký	Sửa theo Khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu – phụ lục đính

<p>đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty..</p>	<p>hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)</p>
<p><b>Không có</b></p>	<p>3. Tổng giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:  a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.  b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p>	<p>điều 65- Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám Đốc, Tổng Giám đốc LDN 2014</p>
<p>3. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:  a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;  b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;  c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;  d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;  e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách</p>	<p>4 . Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:  a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;  b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;  c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;  d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;  e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.  f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)</p>

<p>phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.</p>	<p>g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty</p> <p>h) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>i) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>k) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>l) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>m) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>n) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>o) Tuyển dụng lao động;</p> <p>p) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>q) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.</p>	
<p>5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành mới thay thế.</p>	<p>6. Bãi nhiệm, miễn nhiệm: Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau: Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo qui định tại khoản 3 điều này Có đơn xin từ chức c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng</p>	<p>Điều 35 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)</p>

	giám đốc) điều hành mới thay thế.	
<b>Điều 31. Thư ký công ty</b>	<b>Điều 39. Thư ký Công ty</b>	
<p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p> <p>c) Tham dự các cuộc họp.</p> <p>d) Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p> <p>c) Tham dự các cuộc họp.</p> <p>d) Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	Sửa theo Khoản 5 Điều 152 Luật DN 2014 – Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 40. Kiểm soát viên</b>	
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán</p>	<p>1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty từ 03 đến 05 thành viên, các thành viên ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Các thành viên Ban kiểm soát không phải vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng</p>	Sửa theo Khoản 2 Điều 163 Luật DN 2014 – Ban kiểm soát Sửa theo Khoản 1 Điều 164 Luật DN 2014 – Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

<p>viên hoặc kiểm soát viên chuyên nghiệp và phải làm việc tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);</p> <p>d. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm soát viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 163 Luật DN 2014 – Ban kiểm soát</p>
	<p>5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 2, Điều 19 NBĐ 71</p>
<p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi</p>	<p>6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau :</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>Sửa theo Khoản 4, 5 Điều 37 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Kiểm soát viên</p>

<p>đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	
<p><b>Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 41. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</b></p>	
<p><b>Không có</b></p>	<p>i. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>Khoản 4, Điều 22 – nđ71</p>
<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là [hai] người.</p>	<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2, 3 Điều 38 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Ban kiểm soát</p>
<p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được</p>	<p>4. Mức thù lao tiền lương và các lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định Kiểm soát viên được</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 38 Điều lệ mẫu – phụ lục đính</p>

<p>thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Ban kiểm soát</p>
<p><b>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b></p>	<p><b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b></p>	
<p><b>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p><b>Điều 42 . Trách nhiệm cẩn trọng</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Điều 39 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Trách nhiệm cẩn trọng</p>
<p><b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3 . Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác</p>	<p>Thêm theo Điều 159 Luật DN 2014 – Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Thống nhất thuật ngữ với Luật DN 2014</p> <p>Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>

<p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014 Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>
<p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014 Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>
<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014 Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>



<p>liên quan; hoặc</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
<p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>	<p><b>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>	
<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014</p>
<p>2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không chống lại</p>	<p>2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 41 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>

<p>lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	
<p><b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.</b></p>	<p><b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.</b></p>	
<p><b>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p>	<p><b>Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p>	
<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 30 và Khoản 4 Điều 40. Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ với Luật DN 2014</p>
<p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách</p>	<p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm,</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 42 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>

kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	sổ sách kế toán và tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ tài liệu này.	
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	
<b>Điều 43. Chế độ kế toán</b>	<b>Điều 50. Chế độ kế toán</b>	
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật,	Sửa theo Khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Chế độ kế toán
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	Sửa theo Khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Chế độ kế toán
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	
<b>Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng</b>	<b>Điều 51. Báo cáo tài chính năm</b>	
1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ luật Sửa theo Khoản 1 Điều 48 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý của công ty (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên website của Công ty.	Sửa theo Khoản 4 Điều 48 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Bỏ “báo cáo sáu tháng”
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>		
<b>Điều 45. Kiểm toán</b>	<b>Điều 53. Kiểm toán</b>	
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán	
<b>XVII. CON DẤU</b>		
<b>Điều 46. Con dấu</b>	<b>Điều 54. Con dấu</b>	
1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	1. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	
<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	
<b>Điều 49. Thanh lý</b>	<b>Điều 58. Thanh lý</b>	
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: a) Các chi phí thanh lý; b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước; d) Các khoản vay (nếu có); e) Các khoản nợ khác của Công ty; f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ	3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: a) Các chi phí thanh lý; b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c) Nợ thuế d) Các khoản nợ khác của Công ty; e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục	Sửa theo Khoản 3 Điều 54 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Thanh lý

phân ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.	(a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.	
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
<b>Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	<b>Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	
<p>1. b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>1. b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	Sửa theo Khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu – phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT – BTC – Giải quyết tranh chấp nội bộ

*Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.*